TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44 /2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989

HKTT: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh An Ngọc D, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu An Ngọc Khánh L, sinh ngày 28/9/2013

Người đại diện hợp pháp cho cháu Khánh L: Chị Trần Thị T (là mẹ đẻ)

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh An Ngọc D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Trần Thị T và anh An Ngọc D tự nguyện thuận tình ly hôn.

- ***Về nuôi con chung:*** Anh chị có 01 con chung là cháu An Ngọc Khánh L, sinh ngày 28/9/2013. Anh chị thống nhất thỏa thuận chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Khánh L kể từ tháng 5 năm 2020 đến khi cháu Khánh L đủ 18 tuổi.

- ***Về cấp dưỡng nuôi con chung:*** Chị T và anh D thống nhất thỏa thuận anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung, công sức, nợ chung:*** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Trần Thị T tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0000560 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại chị T số tiền 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA dân sự huyện;
-UBND xã D (GCNKH 74/2012);
-Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
-Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Minh Ngọc